

Nam Cao

Đôi Mắt

Anh thanh niên làng chỉ một cái cổng gạch nhỏ, quay lại bảo tôi:

- Ngõ này đây, ông Hoàng ở đây.

- Cám ơn anh nhé. Lát nữa tôi sẽ sang nhà anh chơi.

Tôi vỗ vai anh bảo vậy. Tôi toan vào. Anh vội ngăn tôi lại:

- Khoan đã. Anh để em gọi cho anh trong nhà xích con chó lại.
Con chó to và dữ lắm.

Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị. Tôi nhớ đến những lần đến chơi nhà anh Hoàng ở Hà Nội. Bấm chuông xong, bao giờ tôi cũng phải chờ anh Hoàng thân hành ra nắm chặt cái vòng da ở cổ một con chó tây to bằng con bê, dúi đầu nó vào gầm cái cầu thang, rồi mới có đủ can đảm bước vội qua đằng sau cái đuôi nó để vào phòng khách.

Tôi rất sợ con chó giống Đức hung hăng ấy. Sợ đến nỗi một lần đến chơi, không thấy anh Hoàng ra đứng tấn để giữ nó lại buồn rầu báo cho tôi biết nó chết rồi, thì mặc dầu có làm ra mặt tiếc với anh, thật tình thấy nhẹ cả người. Con chó chết vào giữa cái hồi đói khủng khiếp mà có lẽ đến năm 2000, con cháu chúng ta vẫn còn kể lại cho nhau nghe để rùng mình. Không phải vì chủ nó không tìm nổi mỗi ngày vài lạng thịt bò để nó ăn. Anh Hoàng là một nhà văn, nhưng đồng thời cũng là một tay chợ đen rất tài tình. Khi chúng tôi đến nơi chỉ còn một dúm xương và rất nhiều bản thảo chẳng biết bán cho ai, anh Hoàng vẫn phong lưu, con chó của anh chưa phải nhịn bữa nào. Nhưng xác người chết đói ngập phố phường. Nó chết có lẽ vì chén phải thịt người uơ hay vì hút phải nhiều xú khí. Thảm hại thay cho nó.

Thế mà bây giờ đến thăm anh Hoàng ở chỗ gia đình anh tản cư về, cách Hà Nội hàng trăm cây số, tôi lại được nghe đến một con chó dữ. Thật là thú vị!... Tôi cười nho nhỏ. Chẳng biết tôi cười gì, anh thanh niên cũng nhe răng ra cười. Đáp lại tiếng anh gọi, tiếng những chiếc guốc mỏng mảnh quét trên sân gạch nổi lên, lẹc khếch và mau mắn. Một thằng bé mũ nồi đen, áo len xám, chạy ra. Một đôi mắt đen lay láy nhìn tôi...

- Bác Độ, ba ơi! Bác Độ!...

Thằng Ngũ, con anh Hoàng. Nó chẳng kịp chào tôi, ngoắt chạy trở vào, reo rồi rít.

- Cái gì? Cái gì? Hừm!

Tiếng trầm trầm nhưng lại có vẻ nạt nộ của anh Hoàng hỏi nó. (Bao giờ nói với con, anh Hoàng cũng có cái giọng dậm dọa buồn cười ấy). Thằng bé líu ríu những gì tôi nghe không rõ. Rồi thấy tiếng thanh thanh của chị Hoàng giục con:

- Ngũ xích con chó lại. Xích con chó lại cái cột tít đằng kia.

Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả, bởi vì người khí béo quá, vừa bước vừa bơi hai cánh tay kệnh kệnh ra hai bên, những khối thịt ở bên dưới nách kệnh ra và trông tũn ngủn như ngấn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ. Bây giờ nó lộ ra khá rõ ràng trong bộ áo ngũ màu xanh nhạt, phủ một cái áo len trắng nó nịt người anh đến nỗi không còn thở được.

Anh đứng lại bên trong cổng, một bàn tay múp míp hơi chìa về

phía tôi, đầu hơi ngửa về đằng sau, miệng hé mở, bộ điệu một người ngạc nhiên hay mừng rỡ quá. Tôi có thì giờ nhận rõ một sự thay đổi trên bộ mặt đầy đặn của anh: trên mép một cái vành móng ngựa ria, như một cái bàn chải nhỏ.

Sửng người ra một lúc, rồi anh mới lâm li kêu lên những tiếng ở trong cổ họng:

- Ôi giời ơi! Anh! Quý hoá quá!

Anh quay lại:

- Mình ơi! Anh Độ thật. Xa thế mà anh ấy cũng chịu khó đến thăm chúng mình.

Chị Hoàng lúc bấy giờ đã chạy ra, tay còn đang cài nốt khuy chiếc áo dài màu gạch vừa mới mặc vội vào để ra đón khách.

Người đàn bà vồn vã:

- Mong bác mãi. Lúc thằng cháu mới chạy vào, nhà tôi cứ tưởng nó trông nhảm. Cứ tưởng bác ở cách hàng mười lăm hai mươi cây số...

Bắt tay tôi xong, anh Hoàng dịu dàng đẩy tôi đi trước. Chị vợ đã nhanh nhẹn chạy trước vào nhà, dọn bàn dọn ghế. Sao lại có sự sẵn đón cảm động như thế được? Tôi đâm ngờ những ý nghĩ không tốt của tôi về anh, từ hồi Tổng khởi nghĩa trở đi. Sau Tổng khởi nghĩa, anh Hoàng đối với tôi đột nhiên nhạt hắt đi. Một lần tôi đến chơi với anh, định để xem anh thay đổi thế nào trong cuộc thay đổi lớn của dân tộc chúng ta, nhưng đều không gặp anh. Cửa nhà anh đóng luôn luôn. Thằng nhỏ nhà anh đứng bên trong cái cửa nhìn qua một lỗ con, bao giờ cũng hỏi cận kề tên tôi, để một lúc sau ra bảo tôi rằng ông nó không có nhà.

Một lần đều như vậy cả nên tôi đã sinh nghi. Lần cuối cùng, trước khi bấm chuông, tôi còn nghe thấy tiếng vợ chồng anh. Nhưng thằng nhỏ vẫn quả quyết rằng ông bà nó về trại những từ tối hôm trước kia rồi. Đã đích xác là anh không muốn tiếp tôi. Chẳng hiểu vì sao. Nhưng từ đấy tôi không đến nữa. Mỗi lần gặp nhau ở ngoài đường, chúng tôi chỉ bắt tay nhau một cách rất lạnh lùng, hỏi thăm nhau một câu chiếu lệ, rồi ai đi đường nấy. Tôi đã biết Hoàng vẫn có tính tự nhiên "đá" bạn một cách đột ngột, vì những có mà chỉ mình anh biết. Có khi chỉ là vì một tác phẩm của người bạn ấy được cảm tình của một nhà phê bình đã chê một vài tác phẩm của anh. Có khi cũng chẳng cần đến thế. Anh có thể là một người bạn rất thân của anh Hoàng khi anh chỉ là

một nhà văn ở tỉnh xa chỉ góp mặt với Hà Nội bằng những bài gửi về đăng báo, nhưng nếu anh lại về sống hẳn ở thủ đô, giao thiệp với ít nhiều nhà văn khác, anh sẽ không phải là bạn anh Hoàng nữa. Có lẽ anh Hoàng biết cái giới văn nghệ sĩ Hà Nội chửi anh nhiều quá.

Riêng tôi, trước đây, tôi vẫn không hiểu sao người ta có thể khinh ghét anh nhiều thế. Tận đến lúc bị anh đá tôi mới hiểu. Tôi còn được hiểu rõ ràng hơn. Vào cái hồi quân đội Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở nước ta, một số gái kiếm tiền trút bộ đầm ra để mặc bộ áo Tàu. Còn anh bạn của tôi, chẳng biết bám được ông má chín nào, ra một tờ báo hằng ngày để chửi vung lên. Chửi hết cả mọi người rồi anh mới lôi đến một số bạn cũ của anh ra. Toàn là những người hiền lành, xưa nay chưa hề chạm đến một sợi tóc của anh. Nhưng tên họ trên những tờ báo của phong trào giải phóng quốc gia được hoan nghênh làm ngứa mắt anh. Anh hẳn học gi mĩa họ là những nhà văn vô sản và cho họ là một bọn khổ rách áo ôm đã đến ngày mả phát, ăn mặc và tâm bở hết cả phần thiên hạ. Tôi cười nhạt. Không phải tôi khó chịu vì những lời vu cáo của anh. Tôi khó chịu chính vì thấy đến tận lúc ấy mà vẫn còn một số nhà văn Việt Nam dùng ngòi bút mình để làm những việc đê tiện thế. Anh Hoàng vẫn là con người cũ. Anh không chịu đổi. Tôi đã tưởng anh với tôi chẳng bao giờ còn thân

mật với nhau trở lại... Nhưng sao gặp tôi lần này anh lại hân hoan đến thế? Anh đã đủ thì giờ để lột xác rồi chẳng? Hay cuộc kháng chiến mãnh liệt của dân ta đã quét sạch khỏi đầu anh những cái gì cũ còn sót lại? Thật tình, tôi rất cảm động khi nghe thấy anh kể lể:

- Chẳng ngày nào chúng tôi không nhắc đến anh. Nguyên một hôm xem tờ báo của ông hàng xóm thấy có bài của anh, tôi đoán anh làm tuyên truyền ở tỉnh này. Tiện gặp một cán bộ về làng, tôi nhờ gửi cho anh một bức thư. Cũng là gửi cầu may. Thật không dám chắc thư đến tay anh. Mà có đến, có lẽ anh nhiều việc, cũng khó lòng về chơi với chúng tôi. Thế mà lại được gặp anh. Trông anh không lấy gì làm khoẻ mà sao anh đi bộ tài thế? Mà sao anh lại tìm vào được đúng làng này? Hồi mới đến đây, tôi ra khỏi nhà độ mười bước là đã lạc. Nhiều ngõ quá mà ngõ nào cũng giống ngõ nào. Có khi ra đồng về cũng nhầm ngõ...

Cái nhà Hoàng ở nhờ có thể gọi là rộng rãi. Ba gian nhà gạch sạch sẽ. Hàng hiên rộng ở ngoài. Sân gạch, tường hoa. Một mảnh vườn trồng rau tươi rười rượi. Xinh xắn lắm. Thích nhất là gia đình anh được ở cả nhà. Chủ nhân cũng là người buôn bán trên Hà Nội. Ông thường nhờ vốn liếng và mối hàng của vợ chồng anh. Còn gì hơn là lúc này trả nghĩa lại nhau. Ông đã dọn sang

nhà ông bố ở liền bên, nhường lại nhà cho anh hoàn toàn sử dụng. Anh cho tôi biết thế và bảo tiếp:

- Giá chúng tôi chưa tìm được nhà ông thì chưa biết ra sao. Tôi thấy nhiều người tản cư khổ lắm. Anh tính có đời nào anh ruột tản cư về nhà em mà đến lúc vợ đẻ, em bắt ra một cái lều ngoài vườn để đẻ!

Tôi cho anh biết người nhà quê mình có tục kiêng...

- Thì đã đành là vậy... Anh nói giọng tức tối và bất bình - Thì đã đành là vậy, nhưng lúc này còn kiêng kỵ gì? Mà có những thế thôi đâu! Thấy anh bây giờ khổ sở, em đã chẳng thương, lại còn xỉa xối, nhắc đến những lúc hoang phí trước để mà xỉ vả. Nào "lúc có tiền thì chẳng biết ăn biết nhịn để dè, chỉ biết nay gà mai chó!", nào "lúc buôn bán phát tài, bảo gửi tiền về quê tậu ruộng vườn thì bảo không cần vườn ruộng, để tậu nhà ở tỉnh kia, bây giờ không bám lấy nhà ở tỉnh đi?..." Tệ lắm! Anh tính mấy đời mới có một phen loạn lạc thế này? Có tiền, thằng nào chẳng ăn chơi? Có mấy người cứ còm cộm làm như trâu, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, ở thì chui rúc thế nào cho xong thôi, để tiền mà tậu vườn, tậu ruộng như họ?

Chị Hoàng tiếp lời chồng:

- Họ làm chính chúng tôi cũng đâm lo. Có thể nói rằng trong một trăm người thì chín mươi người cho rằng Tây không đời nào dám đánh mình. Mãi đến lúc có lệnh tản cư tôi vẫn cho là mình tản cư để dọa nó thôi. Thế rồi dùng một cái, đánh nhau. Chúng tôi chạy được người chủ của thì chạy làm sao kịp? May mà còn vớt vát được ít tiền, một ít hàng để ở cái trại của chúng tôi, ở ngoại thành. Khéo lắm thì ăn được độ một năm. Đến lúc hết tất nhiên là phải khổ rồi. Chỉ sợ đến lúc ấy, họ lại mĩa lại. Thành thử bây giờ, lý ra thì có muốn ăn một con gà chưa đến nỗi không mua nổi mà ăn, nhưng ăn lại sợ người ta biết, sau này người ta nói cho thì nhục.

Họ tàn nhẫn lắm cơ, bác ạ!

Anh Hoàng cười:

- Mà sao họ đã bận rộn nhiều đến thế mà vẫn còn thì giờ chú ý đến những người chung quanh nhiều đến thế? Anh chỉ giết một con gà ngày mai cả làng này đã biết. Này, anh mới đến chơi thế mà lúc này tôi đã thấy có người nấp nom rồi. Ngày mai thế nào chuyện anh đến chơi tôi cũng đã chạy khắp làng. Họ sẽ kể rất

rạch ròi tên anh, tuổi anh, anh béo gầy thế nào, có bao nhiêu nốt ruồi ở mặt, có mấy lỗ rách ở ống quần bên trái.

Tôi mỉm cười, cắt nghĩa cho anh hiểu: lúc này họ cần để ý đến những người lạ mặt tới làng. Tôi chắc mấy người nấp nom tôi là mấy người có trách nhiệm trong uỷ ban mấy anh tự vệ.

- Lại còn các ông uỷ ban với các bố tự vệ nữa mới chết người ta chứ! Họ vừa ngó vừa nhặng sì. Đàn bà chửa mà đến nỗi cho là có lựu đạn giắt trong quần! Họ đánh vùn xông một cái giầy ít nhất phải mất mười lăm phút, thế mà động thấy ai đi qua là hỏi giầy. Anh đi, hỏi. Anh về, hỏi, hỏi nữa. Anh vừa ra khỏi làng, sức nhớ quên cái mũ, trở lại lấy, cũng hỏi rồi mới cho vào. Lát nữa anh ra, lại hỏi. Hình như họ cho cái việc hỏi giầy là thú lắm.

Anh cười gằn một tiếng, nhìn bao trùm cả người tôi, hỏi:

- Anh sống ở nhà quê nhiều, anh có hiểu tâm lý của họ không?

Anh thử cắt nghĩa hộ tôi tại làm sao họ lại nhiều khê đến thế?

Từ trước đến nay, tôi chỉ hoàn toàn ở Hà Nội, thành thử chỉ mới biết những người nhà quê qua những truyện ngắn của anh. Bây

giờ gần họ, tôi quả là thấy không nhìn được. Không chịu được!

Nỗi khinh bỉ của anh phì cả ra ngoài theo cái bĩu môi dài thườn thượt. Mũi anh nhăn lại như người thấy mùi xác thối. Vợ chồng anh thi nhau kể tội người nhà quê đủ thứ. Toàn là những người đàn độn, lỗ mãng, ích kỷ, tham lam, bần tiện cả. Cha con, anh em ruột cũng chẳng tốt với nhau. Các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bây giờ lại càng lỗ lã. Viết chữ quốc ngữ sai vắn mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rồi rít cả lên. Mở miệng ra là thấy đề nghị, yêu cầu, phê bình, cảnh cáo, thực dân phát xít, phản động, xã hội chủ nghĩa, dân chủ với cả dân tân chủ nữa mới khổ thiên hạ chứ! Họ mà tóm được ai thì có mà chạy lên trời! Thế nào họ cũng tuyên truyền cho hàng giờ. Có lẽ họ cho những người ở Hà Nội về như vợ chồng anh đều lạc hậu, chưa giác ngộ nên họ không bỏ lỡ một dịp nào để tuyên truyền vợ chồng anh. Mà tuyên truyền như thế nào!...

Anh trợn mắt bảo tôi:

- Tôi kể cho anh nghe chuyện này thế nào anh cũng cho là bịa. Nhưng tôi có bịa một tí nào, tôi chết. Một hôm, tôi đi chợ huyện chơi. ở nhà đã hỏi đường cẩn thận rồi, nhưng đến một ngã ba, lại quên bég mất, không biết phải rẽ lối nào. Đành đứng lại, chờ có

người đi qua thì hỏi. Chờ mãi mới thấy một ông thanh niên
nghêu ngهن vác một bó tre đi tới. Tôi chào rồi hỏi: "Đi chợ
huyện lồi nào, ông làm ơn chỉ giúp tôi!" Anh ta trở mặt nhìn tôi
chẳng rằng chẳng nói, như nhìn một giống người lạ mới từ Hoả
tinh rơi xuống. Tôi biết hiệu, rút giấy đưa cho anh xem rồi lại
hỏi. Bây giờ anh ta mới bảo: "Ông cứ đi lồi này, đến chỗ có một
cây đa to thì rẽ về tay phải, đi một quãng lại rẽ về tay trái, qua
một cách đồng, vào đường gạch làng Ngò, vòng qua đằng sau
đình, rẽ về tay phải, đi một quãng nữa là đến chợ". Đại khái thế,
chứ không hoàn toàn đúng thế. Chỉ biết là nó lồi thôi rắc rối,
nhiều bên phải bên trái quá, đến nỗi tôi không tài nhận nhận
được. Anh ta bày cho tôi một cách: đứng đợi đấy, gặp ai gánh
hàng đi chợ thì theo. Tôi cho là phải. Anh ta cười bảo: "Thôi thế
chào ông. Cháu vô phép ông đi trước. Cháu vội lắm. Cháu phải
vác ngay bó tre này lên Thượng để làm công tác phá hoại, cản cơ
giới hoá tối tân của địch. Cuộc trường kỳ kháng chiến của ta phải
chia làm ba giai đoạn: giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự,
giai đoạn tổng phản công. Giai đoạn phòng ngự nghĩa là..." Anh
ta cứ thế, đọc thuộc lòng cho tôi nghe cả một bài dài đến năm
trang giấy.

Chị Hoàng cười rú lên. Tôi cũng cười, nhưng có lẽ cái cười
chẳng được tươi cho lắm. Anh thấy cần phải thề lần nữa:

- Tôi có bịa thì tôi chết. Mà tôi lại thề với anh rằng lúc ấy tôi ngạc nhiên quá, không còn cười được, vả lại cũng không dám cười. Cười, nhớ anh ta đánh cho thì tai hại. Nhưng từ hôm ấy ngày nào tôi cũng bắt nhà tôi đóng cổng suốt ngày không dám đi đâu nữa.

Tôi cười gượng. Điều muốn nói với anh, tôi đành giấu kín trong lòng không nói nữa. Tôi biết chẳng đời nào anh nhận làm một anh tuyên truyền nhãi nhép như tôi. Vả lại đâu có rủ được anh làm như tôi, khoác cái ba lô lên vai, đi hết làng nọ đến làng kia để nhận xét nông thôn một cách kỹ càng hơn cũng chẳng ích gì. Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi. Anh trông thấy anh thanh niên đọc thuộc lòng bài "ba giai đoạn" nhưng anh không trông thấy bó tre anh thanh niên vui vẻ vác đi để ngăn quân thù. Mà ngay trong cái việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài báo như một con vẹt biết nói kia, anh cũng chỉ nhìn thấy cái ngổ bề ngoài của nó mà không nhìn thấy cái nguyên có thật đẹp đẽ bên trong. Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lắm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản.

Tôi biết lắm. Trước mặt người đàn anh trong văn giới ấy, tôi chỉ

là một kẻ non dại, mới tập tọng học nghề. Bởi vậy tôi không dám nói hết những ý nghĩa của tôi ra. Tôi chỉ rụt rè và đưa ra vài điểm nhận xét:

- Có nhiều cái kỳ lạ lắm. Người nhà quê dẫu sao thì cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta. Tôi gần gũi họ rất nhiều. Tôi đã gần như thất vọng vì thấy họ phần đông dốt nát, theo nhếch, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương. Nghe các ông nói đến "sức mạnh quần chúng", tôi rất nghi ngờ. Tôi vẫn cho rằng đa số nước mình là nông dân, mà nông dân nước mình thì vạn kiếp nữa cũng chưa làm cách mạng. Cái thời Lê Lợi, Quang Trung, có lẽ đã chết hẳn rồi, chẳng bao giờ còn trở lại. Nhưng đến hồi Tổng khởi nghĩa thì tôi đã ngả ngửa người. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng, mà làm cách mạng hăng hái lắm. Tôi đã theo họ đi đánh phủ. Tôi đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung Bộ. Vô số anh răng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là "nụ đạn", hát Tiến quân ca như người buồn ngủ cầu kinh, mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm. Mà không hề bận tâm đến vợ con, nhà cửa, như họ vẫn thường thế nữa. Gặp họ, anh không thể tưởng tượng được rằng chính những người ấy, chỉ trước đây dăm tháng, giá có bị anh lính lệ ghẹo vợ ngay trước mặt cũng chỉ đành im thin thít mà đi, đi một quãng thật xa rồi mới dám lẩm bẩm chửi thề vài tiếng, còn bao nhiêu ghen tức

đàn ông là đem về nhà trút vào má vợ.

Hoàng nhếch một khoé môi lên, gay gắt:

- Nhưng anh vẫn không thể chối được rằng họ có nhiều cái ngổ không chịu được. Tôi thấy có nhiều ông tự vệ hay cả vệ quốc quân nữa tấy máu nghịch súng hay lựu đạn làm chết người như bỡn. Nhiều ông cầm đến một khẩu súng kiểu lạ, không biết bắn thế nào. Nước mình như vậy, suốt đời không được mớ đến khẩu súng thì làm gì biết bắn, họ đánh mãi rồi cũng biết. Thì cứ để cho họ đánh Tây đi! Nhưng tai hại là người ta lại cứ muốn cho họ làm uỷ ban nọ, uỷ ban kia nữa, thế mới chết người ta chứ! Nói thí dụ ngay như cái thằng chủ tịch uỷ ban khu phố tôi ở Hà Nội lúc chưa đánh nhau, nó là một anh hàng cháo lòng. Bán cháo lòng thì nó biết đánh tiết canh, chứ biết làm uỷ ban thế nào mà bắt nó làm uỷ ban? Ông chủ tịch làng này, xem giấy của nhà tôi, thấy đề Nguyễn Thục Hiền, cứ nhất định bảo là giấy mượn của đàn ông. Theo ông ấy, thì đàn bà ai cũng phải là thị này, thị nọ. Chị Hoàng cười nhiều quá, phát ho, chảy cả nước mắt ra. Rút khăn tay lau nước mắt xong, chị chép miệng lắc đầu, bảo tôi:

- Giá bác ở đây thì nhiều lúc bác cũng cười đến chết. Thế mà ông chủ tịch ấy cứ nằn nì mãi hai ba lượt, yêu cầu nhà tôi dạy bình

dân học vụ hay làm tuyên truyền giúp.

Anh chồng tiếp:

- Tôi chẳng có việc gì làm, lắm lúc cũng buồn. Nhưng công tác với những người như vậy thì anh bảo công tác làm sao được? Đành để các ông ấy gọi là phản động.

Muống lắng chuyện, tôi hỏi:

- Lúc này nhiều thì giờ thế, chắc anh viết được. Anh đã viết được cái gì thú chưa?

- Chưa, bởi vì ngay đến một cái bàn viết ra hồn cũng không còn nữa. Nhưng thế nào chúng mình cũng phải viết một cái gì để ghi lại cái thời này. Nếu khéo làm còn có thể hay bằng mấy cái "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng. Phụng nó còn sống đến lúc này phải biết!

Cơm chiều xong vào lúc bốn giờ, Hoàng mời tôi cùng đi với vợ chồng anh đến chơi nhà mấy người ở phố cũng tản cư về. Có đâu một ông tuần phu về hưu, một ông đốc học bị thải hồi vì một vụ hiếp học trò, một cụ phán già trước đây chuyên môn sống về

nghề lo kiện, hay chạy cửu phẩm cho thiên hạ. Anh chẳng ưa gì họ bởi vì họ chẳng biết gì đến văn chương nghệ thuật, chỉ tổ tôm là giỏi.

Nói chuyện với họ chán phè. Nhưng nếu chẳng giao thiệp với họ thì cũng chẳng biết đến chơi nhà ai được nữa... Anh vừa đi vừa tâm sự nhỏ với tôi như vậy, và thì thầm kể sát tai tôi những cái thối nát, ngu ngốc, gàn dở, rởm đời của từng người một, trong khi chúng tôi bước chậm chậm để đợi chị Hoàng ra sau chúng tôi một chút.

Chị Hoàng rào bước để theo kịp chúng tôi. Hai má đỏ ửng vì lửa bếp. Chị cắt nghĩa sự chậm trễ của chị:

- Tôi xem lại nồi khoai lang vui, để lát nữa về ăn. ở đây cao lương mỹ vị chẳng có gì, nhưng được cái thức ăn vặt thì sẵn. Bác ở chơi đây, mai tôi xem nhà ai có mía to mua mấy cây về ướp hoa bưởi ăn thơm lắm.

Đến một cái cổng gạch lớn có dây leo, anh Hoàng giật dây chuông.

Một thằng bé chạy ra, lễ phép chào:

- Lạy ông!

- Không dám. Cụ Phạm có nhà không cậu?

- Bẩm ông, cụ sang bên ông đốc.

- Sao thấy nói ông đốc ở đây từ sáng?

- Bẩm không ạ! Sáng nay không thấy ông đốc sang chơi bên này.

Chúng tôi quay trở lại. Qua mấy cái ngõ ngoằn ngoèo khác, đến một cái cổng gạch có dây leo khác. Một chị vú ẵm em đứng cổng:

- Lạy ông! Lạy bà!

- Không dám. Ông đốc có nhà hay đi chơi vắng?

- Bẩm ông, ông đốc con sang cụ tuần.

- Sao bên cụ tuần bảo sang đây?

- Bẩm ông, không ạ!

Anh Hoàng quay ra. Đi được mấy bước, anh quay lại khẽ bảo vợ:

- Các bố lại tổ tôm. Mụ Yên Kỳ cũng không có nhà, phải không?

Con mụ ấy cũng là đệ tử tổ tôm hạng nặng. Chắc họ tụ tập ở đây hay ở bên nhà cụ Phạm, sai người gác cổng.

Chị Hoàng không có ý kiến gì. Anh Hoàng vỗ vai bảo tôi:

- Anh nghĩ có buồn không? Tri thức thì thế đấy. Còn dân thì... như anh đã biết.

Tôi thầm rửa sự tình cờ sao lại xô đẩy anh về đây cùng với bằng ấy thứ cặn bã của giới thượng lưu trí thức. Sao anh không đi theo bộ đội, đi diễn kịch tuyên truyền nhập bọn với các đoàn văn hoá kháng chiến để được thấy những sinh viên, công chức sung vào vệ quốc quân, những bác sĩ sốt sắng làm việc trong các viện khảo cứu hay các viện quân y, những bạn văn nghệ sĩ của anh đang mê mải đi sâu vào quần chúng để học họ và dạy họ, đồng thời tìm những cảm hứng mới cho văn nghệ?

Tôi cười nhạt:

- Nghe anh nói, tôi nản quá. Như vậy cuộc kháng chiến của ta có lẽ đến hỏng à?

Anh chớp lấy câu của tôi, nhanh như một con mèo vồ con chuột:

- Ấy đấy, tôi bi lắm. Cứ quan sát kỹ thì rất nản. Nhưng tôi chưa nản có lẽ chỉ vì tôi tin vào ông Cụ. Tôi cho rằng cuộc Cách mạng tháng Tám cũng như cuộc kháng chiến hiện nay chỉ ăn vì người lãnh đạo cừ. Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thể nào kia, mới xứng tài. Phải cứu một nước như nước mình kẻ cũng khổ cho ông Cụ lắm. Anh tính tượng trưng cho phong trào giải phóng cả một cái đế tứ cường quốc là Đại Pháp, mà chỉ có đến thằng Đờ-Gôn.

Tôi nhắc đến tên mấy nhân vật kháng chiến khác của Pháp, còn đáng tiêu biểu bằng mấy Đờ-Gôn. Anh lắc đầu:

- Bằng thế nào được Hồ Chí Minh!

Và anh tiếp:

- Ông Cụ làm những việc nó cừ quá, đến nỗi tôi cứ cho rằng dù dân mình có tôi đi nữa, ông Cụ xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường. Những cú như cú Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3 thì đến chính thằng Mỹ cũng phải lắc đầu: nó cho rằng không thể nào bịp ông già nổi. Thằng Pháp thì nghĩa là gì? Bệt lắm rồi. Không có thằng Mỹ xúi thì làm gì Pháp dám trở mặt phản Hiệp định mồng 6 tháng 3? Mình cho nó như vậy đã là phúc đời nhà nó lắm rồi. Đáng lẽ nó phải bám chằng chằng lấy chứ?

Buổi tối ăn khoai vùi xong, uống mấy tuần trà rồi đi nằm sớm. Anh sợ tôi đã đi hàng mười cây số, lại ngồi nói chuyện suốt từ lúc đến, chắc không thể ngồi được nữa. Và lại tuy chưa buồn ngủ nhưng nằm đắp chăn cho ấm và buông màn cho khỏi muỗi thì vẫn tốt. Hai cái giường nhỏ kê song song, cách nhau có một lối đi nhỏ. Màn tuyền trắng toát. Chỉ trông cũng đã thấy thơm tho và thoải mái.

Hoàng với tôi đi nằm trước. Một gói thuốc lá thơm và một bao diêm đặt ở bên cạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá ở đầu giường. Tôi để nguyên cả quần áo tây và chỉ ngay ngáy lo đêm nay một vài chú rận có thể rời sơ-mi tôi để du lịch ra cái chăn bông thoang thoang nước hoa. Mọi hôm tôi vẫn đắp chăn chung với anh em thợ nhà

in, cái giống ký sinh trùng hay phản chủ ấy, ở người tôi, không dám cam đoan là tuyệt nhiên không có.

Chị Hoàng thu dọn đồ đạc, đóng cửa, rồi đem một cây đèn to lại chỗ cây giường chúng tôi, lấy ra một cái chai. Anh Hoàng trông thấy, hỏi:

- Minh thắp đèn to đấy à?

- Vâng, tôi đổ thêm dầu đã.

Anh Hoàng hỏi tôi:

- Anh có thích đọc Tam Quốc không?

Tôi thú thật là chưa bao giờ được xem trọn bộ.

- Thế thì thật là đáng tiếc. Trong tất cả các tiểu thuyết Đông Tây, có hai quyển tôi mê nhất là Tam Quốc và Đông Chu Liệt Quốc. Về cái môn tiểu thuyết thì thằng Tàu nhất. Nhưng cũng chỉ có hai bộ ấy thôi. Thủy Hử cũng hay, chẳng kém Tam Quốc và Đông Chu Liệt Quốc. Những tiểu thuyết khác hay đến đâu, anh cũng chỉ đọc một câu. Đọc đến lần thứ hai là giảm thú rồi.

Nhưng Tam Quốc với Đông Chu thì đọc đi đọc lại mãi vẫn thấy thú như mới đọc.

- Anh có hai bộ ấy ở đây không?

- Bộ Đông Chu mất ở Hà Nội, không đem đi được. Thế mới sầu đời chứ! Hận quá, may mà bộ Tam Quốc lại để ở ngoại thành, đem đi được. Nếu không thì buồn đến chết.

Anh gạt tàn thuốc lá rồi bảo tiếp:

- Sở dĩ lúc này tôi hỏi anh là có thích đọc Tam Quốc không là vì mỗi tối trước khi đi ngủ, chúng tôi có cái thú đọc một vài hồi Tam Quốc rồi mới ngủ. Nhưng hôm nay anh không biết có nên bỏ cái lệ ấy đi không? Nếu anh thích nói chuyện thì nghỉ một tối để chúng mình nói chuyện cũng chẳng sao.

Cố nhiên là tôi mời vợ chồng anh cứ giữ lệ thường. Anh có vẻ mừng rỡ lắm:

- Vâng, nếu anh cho phép thì ta cứ đọc. Chúng mình cùng nghe rồi lúc nào buồn ngủ thì ta ngủ. Tôi trông anh hơi mệt có lẽ cần ngủ sớm. Không biết đèn sáng lại đọc thế có phiền anh không?

Tôi cho anh biết là tôi vẫn ngủ ngay trong nhà in, đèn sáng và máy chạy ầm ầm, ở đây chần ầm thế này thì dầu súng có nổ ngay ở liền bên tôi vẫn ngủ ngon lành lắm... Anh cười cùn cục trong cổ như một con gà trống:

- Vâng, thế thì ta cứ đọc. Mình lấy ra đi.

Chị Hoàng chạy lại bíp lấy một quyển sách bìa dày, gáy da, đem lại.

- Mình đọc hay tôi đọc?

- Mình đọc đi.

Chị để cây đèn lên trên cái đôn thấp ở đầu giường, cởi áo dài lên giường nằm cạnh thằng con đã chui vào chần trước.

- Hôm qua đọc đến đâu rồi nhỉ. Hình như...

- Không cần, mình đọc lại cái đoạn thằng Tào Tháo nó tán Quan Công ấy. Thế nào? Theo ý anh thì Tào Tháo có giỏi không?

Tôi trả lời qua loa cho xong chuyện:

- Tôi thấy nói là nó giỏi.

- Giỏi lắm anh ạ! Giỏi nhất Tam Quốc. Sao nó tài đến thế.

Chị Hoàng đã tìm thấy, bắt đầu cất tiếng thanh thanh đọc. Anh Hoàng vừa hút thuốc lá vừa nghe. Mỗi khi đọc đến đoạn hay anh lại vỗ đùi kêu:

- Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng! Tiên sư anh Tào Tháo.

Nam Cao -- 1948